

ĐỔI MỚI ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC VÀ SAU ĐẠI HỌC THEO MÔ HÌNH ĐỒNG KIẾN TẠO TRI THỨC - THỰC TIỄN TẠI HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TỔNG ĐĂNG HÙNG*

Bài viết phân tích sự cần thiết và đề xuất lộ trình đổi mới phương thức đào tạo đại học và sau đại học tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh dưới góc nhìn lý luận trong bối cảnh hiện đại hóa hệ thống giáo dục quốc gia. Dựa trên mô hình “đồng kiến tạo tri thức”, phương pháp phân tích chính sách và nghiên cứu tài liệu, bài viết luận giải sự cần thiết chuyển dịch từ phương thức đào tạo hàn lâm sang mô hình gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn quản trị địa phương. Đồng thời, đề xuất các giải pháp đột phá từ tuyển sinh, nội dung chương trình đến phương pháp giảng dạy và đánh giá theo hướng hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: Đồng kiến tạo tri thức; quản trị địa phương; đào tạo đại học; sau đại học; đổi mới giáo dục; Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

The article analyzes the necessity of, and proposes a roadmap for, reforming undergraduate and postgraduate education at the Ho Chi Minh National Academy of Politics from a theoretical perspective in the context of modernizing the national education system. Drawing on the knowledge co-creation model, policy analysis, and documentary research, the article explains the need to shift from a traditional academic training approach to a model that closely integrates theory with local governance practice. It also proposes breakthrough solutions covering student admission, curriculum design, teaching methods, and assessment in the direction of educational modernization, with the aim of meeting the demand for high-quality human resources in the digital era.

Keywords: Knowledge co-creation; local governance; undergraduate education; postgraduate education; educational innovation; Ho Chi Minh National Academy of Politics.

NGÀY NHẬN: 04/5/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 28/6/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 17/7/2026

Email: tongdanghungnapa@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.366.2026.1558>

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hệ thống giáo dục đại học quốc gia đang chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng tự chủ và hiện đại hóa, việc đổi mới mô hình đào tạo đại học và sau đại học tại

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh không chỉ là yêu cầu về mặt phương pháp sư phạm mà còn là nhiệm vụ chính trị trọng yếu

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

để hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược của Đảng. Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng đã đưa ra định hướng: “Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr. 378). Nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt là nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học để xây dựng đội ngũ cán bộ có tư duy sáng tạo, khả năng nghiên cứu độc lập và trách nhiệm công vụ cao. Đây là nền tảng để chuyển dịch từ phương thức đào tạo hàn lâm sang mô hình đồng kiến tạo tri thức, biến quá trình học tập thành quá trình nghiên cứu thực tiễn.

Theo Quyết định số 214-QĐ/TW ngày 28/12/2024 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện giữ vai trò dẫn dắt trong hệ thống các học viện và trường chính trị, trường cán bộ quản lý các bộ, ngành và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong cả nước, tiên phong áp dụng các phương pháp giáo dục hiện đại nhằm cung cấp luận cứ khoa học cho Đảng và Nhà nước.

Đối với đào tạo đại học và sau đại học tại Học viện, vai trò dẫn dắt không thể đạt được nếu vẫn duy trì phương thức đào tạo hàn lâm, nặng về diễn giảng một chiều. Việc chuyển sang mô hình đồng kiến tạo tri thức là con đường tất yếu để đưa quá trình đào tạo thành quá trình nghiên cứu, giúp học viên không chỉ nắm vững lý luận mà còn đủ năng lực tham gia xây dựng chính sách. Sự chuyển đổi này không dừng lại ở đổi mới phương pháp mà rộng hơn là đổi mới cách hiểu về tri thức, vai trò người dạy - người học và thiết kế toàn bộ trải nghiệm học tập; đồng thời, giải quyết bài toán dung lượng thời gian hạn chế của từng buổi học và chương trình (Đoàn Minh Huấn, 2026, tr. 5).

Việc đổi mới mô hình đào tạo đại học và sau đại học theo hướng đồng kiến tạo tri thức không chỉ nâng cao chất lượng đầu ra mà còn giúp học viên đại học và sau đại học trở thành

chủ thể đóng góp vào kho tàng lý luận của Học viện, giúp củng cố tính Đảng gắn liền với tính khoa học trong điều kiện mới.

2. Mô hình đồng kiến tạo tri thức

Theo nhà tâm lý học Lev Semyonovich Vygotsky (1978) đã đưa ra lý thuyết văn hóa - xã hội, khẳng định: trí tuệ và sự phát triển nhận thức của con người bắt nguồn từ các tương tác xã hội và nền văn hóa thay vì chỉ phát triển độc lập trong mỗi cá nhân. Trong đó, tri thức không thể hình thành độc lập mà phải thông qua tương tác xã hội với vai trò giảng viên làm “giàn giáo” để nâng tầm hiểu biết và đưa kinh nghiệm rời rạc của học viên trở thành tư duy chiến lược.

Trong giáo dục đại học hiện đại, lý thuyết kiến tạo tri thức của Marlene Scardamalia và Carl Bereiter (2006) đã phát triển mô hình xây dựng tri thức, theo đó, việc học không chỉ là tiếp thu kiến thức cá nhân một cách thụ động mà là quá trình giảng viên và học viên cùng tham gia vào một cộng đồng nghiên cứu, cải tiến, phát triển và tạo ra các ý tưởng, tri thức mới. Với đề xuất này, lớp học trở thành một cộng đồng nghiên cứu và tiệm cận với tư duy “biến giảng đường thành phòng nghiên cứu chính sách”.

Đặt nền móng cho lý thuyết về quản trị tri thức, Nonaka, I. và Takeuchi, H (1995) đã đưa ra mô hình vòng tuần hoàn tri thức SECI (Socialization - Externalization - Combination - Internalization), đây là vòng xoắn ốc tri thức được tạo thành khi có sự tương tác và chuyển hóa qua các giai đoạn liên tục giữa tri thức ẩn: tri thức mang tính cá nhân, phi chính thức, khó diễn đạt và tri thức hiện: tri thức đã được hệ thống hóa, dễ dàng truyền tải qua ngôn ngữ, văn bản, dữ liệu. Lý thuyết này được áp dụng rộng rãi trong quản lý công, phát triển tổ chức học tập và giải thích cách chuyển hóa tri thức ẩn là những kinh nghiệm thực tiễn phong phú của các học viên thành tri thức hiện là những lý luận, giải pháp, chính sách thông qua đồng kiến tạo với giảng viên.

Barrows, Howard, S (1996) đề xuất phương pháp học tập qua dự án (học tập dựa trên vấn đề) và được ứng dụng rộng rãi vào mọi bậc học và ngành học trong hệ thống giáo dục toàn cầu. Với phương pháp đó giúp luận giải cách thức đưa một vấn đề thực tiễn chưa có lời giải vào trung tâm của lớp học để kích thích người học tự động kiến tạo giải pháp.

Bản chất của mô hình đồng kiến tạo tri thức là sự phá vỡ tính độc quyền tri thức của giảng viên. Dựa trên quan điểm kiến tạo, tri thức nảy sinh khi kinh nghiệm công tác, các vấn đề quản trị địa phương của học viên được “giải mã” bằng khung khái niệm, mô hình, chuẩn mực giá trị dưới sự dẫn dắt của giảng viên, với tình huống mô phỏng, dữ liệu và gợi ý từ AI. Theo đó,

(1) *Giảng viên*: chuyển từ vị thế người truyền đạt sang vai trò người thiết kế môi trường học thuật, dẫn dắt thảo luận và hệ thống hóa kinh nghiệm thực tiễn thành lý luận. Giảng viên giữ vai trò thiết kế không gian tri thức và gìn giữ chuẩn mực giá trị công.

(2) *Học viên*: không còn là người tiếp nhận thụ động mà trở thành chủ thể tích cực, mang vấn đề thực tiễn là những trải nghiệm lãnh đạo, quản lý phong phú để đóng góp vào kho tàng tri thức chung và chủ động đồng kiến tạo giải pháp.

(3) *Mối liên hệ với đổi mới đào tạo*: mô hình này đòi hỏi sự thay đổi toàn diện từ học liệu (phải là học liệu động, tình huống quản trị), phương pháp (tương tác đa chiều) thông qua sự giao thoa giữa nền tảng lý luận chuẩn mực và kinh nghiệm của giảng viên và thực tiễn quản trị sinh động của học viên đến đánh giá (dựa trên sản phẩm tri thức có tính ứng dụng). Tri thức mới trong đào tạo được tái cấu trúc theo ba chiều: ngữ cảnh hóa, hành động hóa và dữ liệu hóa (Đoàn Minh Huấn, 2026).

(4) *Giá trị cốt lõi*: hướng tới việc cùng nhau xây dựng giả thuyết mới và tìm kiếm giải pháp chưa từng có tiền lệ cho các vấn đề thực tiễn đặt ra trong bối cảnh hiện nay. Sự

khác biệt cốt lõi của mô hình đồng kiến tạo tri thức so với các phương pháp dạy học tích cực thông thường nằm ở mục tiêu cuối cùng của quá trình học tập hướng tới việc giảng viên và học viên trao đổi, đặt ra những câu hỏi, xây dựng giả thuyết mới và tìm kiếm những giải pháp có thể là đề xuất chính sách sắc bén, báo cáo có chất lượng hoặc các phương án giải quyết dứt điểm những vướng mắc trong quản lý đất đai, đầu tư công tại địa phương. Đặc biệt ở bậc đào tạo sau đại học, đồng kiến tạo giúp xóa bỏ ranh giới giữa học tập và nghiên cứu khoa học, biến quá trình đào tạo thành quá trình sản xuất tri thức lý luận mới phục vụ cho chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng.

3. Thực trạng đào tạo đại học và sau đại học tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là nhiệm vụ thường xuyên của Học viện, góp phần thực hiện tốt các nghị quyết của Đảng, quy định của Nhà nước. Về đào tạo trình độ đại học, nhiều năm trước đây, theo chỉ tiêu phân bổ của Ban Tổ chức Trung ương, Học viện và các Phân viện trực thuộc đã tổ chức đào tạo và cấp bằng cử nhân chính trị, cử nhân chính trị chuyên ngành Tổ chức, cử nhân chính trị chuyên ngành Kiểm tra.

Từ năm 2013, căn cứ phân bổ chỉ tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện và các Học viện Chính trị khu vực đã tổ chức tuyển sinh và đào tạo cấp bằng cử nhân chính trị (dành cho lớp cán bộ trẻ) và bằng đại học văn bằng thứ hai các chuyên ngành Tổ chức, Kiểm tra, Dân vận và Tôn giáo. Hiện nay, ngoài cử nhân chính quy các chuyên ngành học do Học viện Báo chí và Tuyên truyền đào tạo, Học viện đang phối hợp với các Ban đảng Trung ương đào tạo đại học văn bằng thứ hai các chuyên ngành sau: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Công tác tôn giáo; Chính trị học. Số lượng đào tạo đại học trong toàn hệ thống Học viện (chưa bao gồm Học viện Hành chính và Quản trị công) từ năm

2020 - 2025 là 16.708 cử nhân chính quy và cử nhân văn bằng hai. Trong đó, đại học văn bằng hai ngành Chính trị học chuyên ngành Kiểm tra, chuyên ngành Xây dựng Đảng và chính quyền từ năm 2020 - 2026 tại Học viện là 208 học viên (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2026).

Đối với đào tạo trình độ thạc sĩ các chuyên ngành của hệ thống Học viện (chưa có số liệu của Học viện Hành chính và Quản trị công) từ năm 2020 - 2025 là 4.303 học viên. Riêng ngành Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước là 753 học viên. Đối với đào tạo trình độ tiến sĩ của các chuyên ngành được giao của hệ thống Học viện (chưa tính số liệu của Học viện Hành chính và Quản trị công) là 1.041 nghiên cứu sinh, trong đó, tiến sĩ ngành xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước tại Học viện trung tâm là 61 người (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2026).

Trong năm 2025, Học viện đã thực hiện những bước đổi mới quan trọng trong việc chuẩn hóa và hiện đại hóa nội dung đào tạo với việc hoàn thành việc điều chỉnh và cập nhật giáo trình đối với 19 chương trình đào tạo thạc sĩ và 14 chương trình đào tạo tiến sĩ.

Qua kết quả thực hiện công tác đào tạo đại học và sau đại học của Học viện có thể thấy, với vai trò trung tâm nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của Đảng, Học viện đã tập trung đào tạo đại học các chuyên ngành phục vụ trực tiếp cho công tác tham mưu và chuyên môn của các cơ quan trung ương cũng như địa phương, đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ đi đầu về nghiên cứu lý luận; đã duy trì đào tạo nhiều chuyên ngành mang tính đặc thù, như: chuyên ngành kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học, Hồ Chí Minh học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.

Chất lượng đào tạo và quy trình tổ chức đào tạo luôn được coi trọng và thực hiện theo quy định. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Học viện có học hàm, học vị cao đáp ứng chuẩn chức danh giảng dạy là một trong

những nguồn lực chủ chốt để bảo đảm thực hiện đầy đủ các chương trình đào tạo với chất lượng và cường độ liên tục. Cùng với đó là sự quan tâm của Đảng, Nhà nước trong việc tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và giảng dạy tại Học viện và các Học viện trực thuộc là cơ sở cho môi trường làm việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học có điều kiện phát triển đáp ứng yêu cầu của bối cảnh phát triển mới của đất nước.

Tuy nhiên hiện nay, chương trình đào tạo đại học và sau đại học tại Học viện dù đã có nhiều cải tiến, song vẫn tồn tại độ trễ nhất định so với thực tiễn sinh động của quản trị địa phương trong kỷ nguyên số. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ giảng dạy, nghiên cứu còn thiếu đồng bộ. Đặc biệt, cơ sở dữ liệu còn phân tán, khả năng kết nối và chia sẻ thông tin còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi số và đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng hiện đại. Cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ giảng viên, nhà khoa học và người lao động trong hệ thống Học viện vẫn còn những khó khăn, chưa tạo được sự đột phá mạnh mẽ để thu hút và giữ chân nhân tài.

Mặc dù đã có chuyển biến trong giảng dạy, nhưng việc chất lọc các tình huống quản trị thực tiễn từ địa phương để đưa vào giảng dạy vẫn còn rời rạc, chưa hình thành được "ngân hàng tình huống" mang tính hệ thống. Học viên được đào tạo bài bản, nghiên cứu sâu nhưng vẫn chưa đầy đủ tự tin để đối mặt với những thách thức trước sự thay đổi, biến động nhanh của các vấn đề đặt ra với các cấp quản lý, nhất là cán bộ ở cấp cơ sở, kỹ năng phân tích chính sách, vận dụng và áp dụng nhanh các quy định vào thực tiễn còn yếu, nhất là các kỹ năng số, chuyển đổi số, vận dụng AI trong xử lý công việc.

4. Nội dung đổi mới mô hình đào tạo đại học và sau đại học của Học viện

4.1. Tuyển sinh gắn với quy hoạch cán bộ
Việc đổi mới bắt đầu từ khâu xác định

nguồn tuyển nhằm bảo đảm tính định hướng chiến lược và nâng cao chất lượng nghiên cứu, ứng dụng sau đào tạo. Học viện nên ưu tiên chiêu sinh các đối tượng trực tiếp thực hiện công tác quản trị và hoạch định chính sách tại địa phương và cán bộ quy hoạch lãnh đạo chủ chốt. Đối với tuyển sinh đại học chương trình đào tạo công tác kiểm tra của Đảng và sau đại học ngành xây dựng Đảng, Học viện phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và các địa phương để ưu tiên lựa chọn cán bộ đang trực tiếp thực hiện công tác hoạch định chính sách, cán bộ quy hoạch lãnh đạo chủ chốt cấp cơ sở và lộ trình phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đã đề ra.

4.2. Hiện đại hóa nội dung và học liệu số

Nội dung đào tạo cần cấu trúc lại theo hướng giảm lý thuyết thuần túy, tích hợp các chuyên đề về tư duy quản trị hiện đại. Việc điều chỉnh này bảo đảm tuân thủ các chuẩn khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về cấu trúc chương trình theo Quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đồng thời, tích hợp linh hoạt các vấn đề lý luận và thực tiễn mới. Bên cạnh việc đổi mới nội dung và hiện đại hóa hệ thống giáo trình, Học viện tập trung phát triển các module chuyên sâu gắn liền với nghiệp vụ thực tế tại cơ sở, như: giải quyết vướng mắc trong quản lý đất đai, tài chính - ngân sách, đầu tư công và cải cách hành chính. Trọng tâm của đổi mới học liệu số là xây dựng “Ngân hàng tình huống quản trị địa phương” giúp giảng viên và học viên nghiên cứu, phản biện và tìm kiếm giải pháp quản trị tối ưu thông qua sự đồng kiến tạo tri thức, bảo đảm tính khoa học và thực tiễn theo yêu cầu chất lượng giáo dục đại học.

4.3. Phương pháp giảng dạy tương tác đa chiều

Học viện thực hiện chuyển dịch mạnh mẽ phương thức đào tạo đại học và sau đại học từ truyền đạt kiến thức lý luận một chiều sang tương tác đa chiều nhằm phát huy tối đa tư duy phản biện và năng lực nghiên cứu độc

lập của học viên. Trọng tâm của sự đổi mới này là áp dụng triệt để phương pháp đào tạo theo tình huống và học tập dựa trên dự án, đề án đặt ra với địa phương. Cách tiếp cận này giúp học viên nâng cao khả năng phân tích học thuật, kỹ năng ra quyết định lãnh đạo và năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn phức tạp phát sinh tại địa phương.

Học viện triển khai thí điểm mô hình đào tạo gắn với thực tiễn quản trị địa phương và bộ chỉ số phục vụ Nhân dân của chính quyền cơ sở trong các chương trình đào tạo chính quy. Quá trình này tập trung vào các chỉ số đo lường hiệu quả thực tế, như: mức độ hài lòng của người dân, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính và chất lượng phục vụ của bộ máy chính quyền. Các chương trình đào tạo ưu tiên dành phần lớn thời lượng chương trình cho các hoạt động thảo luận nhóm, phân tích tình huống quản trị thực tế và thực hành các kỹ năng lãnh đạo chuyên sâu.

4.4. Quản lý và đánh giá dựa trên sản phẩm tri thức

Công tác quản lý và đánh giá kết quả đào tạo đại học và sau đại học được đổi mới căn bản nhằm đo lường chính xác năng lực nghiên cứu và tư duy lý luận của học viên. Học viện cần chuyển trọng tâm từ hình thức thi viết sang đánh giá liên tục trong suốt quá trình đào tạo thông qua các sản phẩm đề án giải quyết tình huống, các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín cũng như các kiến nghị chính sách gắn liền với nội dung luận văn, luận án. Việc đánh giá này phải bảo đảm tuân thủ Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chuẩn đầu ra cho từng bậc đào tạo.

Để bảo đảm chất lượng đào tạo gắn liền với hiệu quả thực thi nhiệm vụ, Học viện cần thiết lập cơ chế phối hợp giám sát định kỳ với các cơ quan có liên quan ở Trung ương và các địa phương; đồng thời, hướng tới thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cơ

chế này không chỉ giúp đánh giá thực chất năng lực của học viên sau tốt nghiệp mà còn tạo điều kiện để các công trình nghiên cứu đại học và sau đại học trở thành luận cứ khoa học thực tiễn cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương và địa phương.

5. Các điều kiện bảo đảm thực hiện mô hình mới

Thứ nhất, nguồn lực con người, tài chính và công nghệ.

Năng lực của đội ngũ giảng viên là yếu tố then chốt quyết định thành công của mô hình đồng kiến tạo. Học viện chú trọng bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị và khoa học quản lý theo hướng chuẩn hóa các chức danh giáo sư, phó giáo sư, đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giảng viên cần phải có năng lực dẫn dắt thảo luận khoa học, phương pháp sư phạm trong đào tạo đại học và sau đại học hiện đại, kinh nghiệm thực tiễn để trao đổi, truyền đạt kiến thức. Việc nâng cao năng lực nghiên cứu mạnh mẽ là yêu cầu bắt buộc để giảng viên đóng vai trò nhà khoa học đồng hành, cùng học viên tạo ra các sản phẩm tri thức có chất lượng thực tiễn cao.

Nguồn lực tài chính thực hiện đổi mới được huy động từ ngân sách nhà nước cấp hàng năm cho đào tạo chính quy và nghiên cứu khoa học. Học viện cần ưu tiên phân bổ kinh phí cho việc xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, xây dựng ngân hàng học liệu số và các dự án điều tra thực tiễn phục vụ luận cứ cho đào tạo đại học và sau đại học. Cơ chế tài chính được vận hành theo hướng tăng cường tính tự chủ, gắn trách nhiệm giải trình với hiệu quả đào tạo theo quy định của pháp luật. Đặc biệt, Học viện cần huy động thêm các nguồn lực hợp pháp từ hợp tác quốc tế và phối hợp địa phương để đầu tư cho các công trình nghiên cứu chuyên sâu của giảng viên và học viên đại học và sau đại học.

Học viện tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật số tương xứng với trình độ đào tạo đại học và

sau đại học trong kỷ nguyên số. Chú trọng xây dựng hệ thống quản trị đào tạo số đồng bộ, các phòng học thông minh đa chức năng, có trợ lý ảo hỗ trợ tương tác trực tiếp và gián tiếp trong quá trình đào tạo cùng với việc đào tạo theo quy chế đào tạo tín chỉ. Các nền tảng dữ liệu lớn (Big Data) và AI được ứng dụng để cá nhân hóa lộ trình nghiên cứu cho nghiên cứu sinh và học viên cao học, giúp tối ưu hóa khả năng tiếp cận học liệu số. Đây là nền tảng quan trọng để triển khai các mô hình đào tạo theo tình huống, lớp học đảo ngược, bảo đảm sự kết nối thông suốt giữa giảng đường và thực tiễn quản trị tại địa phương.

Thứ hai, tăng cường phối hợp trong đào tạo.

Ngay từ khâu tuyển sinh, Học viện tăng cường phối hợp với ban, bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các địa phương để lựa chọn đối tượng đào tạo đúng quy hoạch, bảo đảm sự tương thích giữa chuyên ngành đào tạo và vị trí việc làm. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc thẩm định, công nhận và giao mã số ngành đào tạo cho các chương trình đào tạo do Học viện xây dựng, giám sát chất lượng và kiểm định giáo dục đại học.

Tăng cường mối quan hệ với các bộ, ngành, cơ quan Trung ương và liên kết với các tỉnh ủy, thành ủy để tạo môi trường thực tiễn cho học viên thực tập, khảo sát, nghiên cứu, vận dụng tri thức vào giải quyết vấn đề cụ thể ở địa phương. Từ đó, bảo đảm các sản phẩm của quá trình đào tạo luôn bám sát yêu cầu thực tiễn và có khả năng ứng dụng cao. Song song với đó, cần tăng cường phối hợp chặt chẽ, kịp thời trong nội bộ Học viện giữa các viện chuyên ngành, Hội đồng khoa học các cấp cùng với Vụ Quản lý đào tạo, bồi dưỡng trong việc chuẩn hóa chương trình, giáo trình đại học và sau đại học, trong thực hiện kiểm định chất lượng đào tạo định kỳ nhằm duy trì uy tín chương trình đào tạo đại học và sau đại học của Học viện trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Thứ ba, bảo đảm thời gian thực hiện.

Giai đoạn thí điểm (2026 - 2027): (1) Xây dựng nền tảng và khảo sát thực tiễn: hoàn thành xây dựng kế hoạch tổng thể; triển khai nghiên cứu, khảo sát thực tiễn về nhu cầu năng lực quản trị địa phương trong năm 2026; (2) Cập nhật chương trình và học liệu: thực hiện rà soát, lồng ghép nội dung quản trị thực tiễn vào chương trình đào tạo đại học, sau đại học trong 6 tháng cuối năm 2026. Hoàn thiện bộ học liệu số và ngân hàng tình huống chuyên sâu cho các chuyên ngành trọng điểm; (3) Tổ chức thí điểm phương pháp đồng kiến tạo tri thức và đào tạo theo tình huống cho một số chuyên ngành từ cuối năm 2026 đến hết năm 2027.

Giai đoạn nhân rộng (2027 - 2030): (1) Đánh giá và hoàn thiện: tổ chức sơ kết bước đầu giai đoạn thí điểm vào cuối năm 2027; hoàn thiện quy chế quản lý, phương thức đánh giá sản phẩm tri thức theo tiêu chuẩn chất lượng của Học viện và của Bộ Giáo dục và Đào tạo; (2) Nhân rộng và thực hiện đồng bộ: triển khai áp dụng phương thức đào tạo mới cho toàn bộ đào tạo đại học và sau đại học chính quy trong toàn hệ thống Học viện từ năm 2027 - 2030. Thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục đại học theo lộ trình định kỳ để khẳng định uy tín chương trình đào tạo và văn bằng; (3) Tổng kết, đánh giá hiệu quả thực chất của việc đổi mới phương thức đào tạo đồng kiến tạo tri thức vào năm 2030 làm cơ sở đề xuất định hướng phát triển cho giai đoạn chiến lược tiếp theo.

6. Kết luận

Đổi mới phương thức đào tạo đại học và sau đại học theo mô hình đồng kiến tạo tri thức tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh là giải pháp đột phá, thực tiễn và hiện đại để nâng cao hàm lượng khoa học, tính thực tiễn và hiệu quả quản trị quốc gia. Việc gắn kết chặt chẽ giữa lý luận của trường Đảng với thực tiễn quản trị địa phương không chỉ nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ mà còn trực tiếp đóng góp vào kho tàng

lý luận của Đảng trong bối cảnh phát triển mới của đất nước □

Tài liệu tham khảo:

- Barrows, H. S. (1996). *Problem-based learning in medicine and beyond: A brief overview*. New Directions for Teaching and Learning, 1996 (68), 3-12.
- Bộ Chính trị. (2024). *Quyết định số 214-QĐ/TW ngày 28/12/2024 về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*.
- Bruffee, K. A. (1999). *Collaborative learning: Higher education, interdependence, and the authority of knowledge*. Johns Hopkins University Press.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV* (Tập II). Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đoàn Minh Huân. (2026). Mô hình giảng viên - học viên đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới: Tiếp cận hiện đại trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý. *Tạp chí Quản lý nhà nước*, 360. <https://doi.org/10.59394/qlnn.364.2026.1499>
- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. (2026). *Báo cáo số 65-BC/QLĐTBD ngày 06/4/2026 về đổi mới phương thức đào tạo đại học và sau đại học gắn với thực tiễn quản trị địa phương và mô hình đồng kiến tạo tri thức*.
- Nonaka, I., & Takeuchi, H. (1995). *The knowledge-creating company: How Japanese companies create the dynamics of innovation*. Oxford University Press.
- Scardamalia, M., & Bereiter, C. (2006). *Knowledge building: Theory, pedagogy, and technology*. In R. K. Sawyer (Ed.), *The Cambridge handbook of the learning sciences* (pp. 97-115). Cambridge University Press.
- Thủ tướng Chính phủ. (2016). *Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam*.
- Trần, V. T. (2022). Quản trị địa phương và những vấn đề đặt ra trong bối cảnh chuyển đổi số. *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (314), 38-41.
- Văn phòng Trung ương Đảng. (2026). *Thông báo số 21-TB/VPTW ngày 07/3/2026 kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban Tổ chức Trung ương*.
- Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Harvard University Press.
- Yin, R. K. (2018). *Case study research and applications: Design and methods (6th ed.)*. SAGE Publications.